

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
THÔNG TIN CHUNG	1 - 2
BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	3
BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	4 - 12
BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	13
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	14 - 15
BÁO CÁO THU NHẬP	16
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	17 - 18
BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	19
BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ	20
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	21 - 22
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	23 - 62

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB (trước đây là Quỹ Đầu tư Tăng trưởng MB Capital) (“Quỹ”) được thành lập ngày 26 tháng 3 năm 2018 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 đã được thay thế bởi Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở đã được thay thế bởi Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư số 91/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định về chế độ báo cáo và thủ tục hành chính áp dụng với công ty quản lý quỹ, quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán. Quỹ được đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 11/GCN-UBCK ngày 13 tháng 2 năm 2018. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đại chúng số 32/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 26 tháng 3 năm 2018, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Ngày 17 tháng 8 năm 2020, Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận số 07/GCN-UBCK về việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng, chuyển đổi Quỹ Đầu tư Tăng trưởng MB Capital thành Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 21 tháng 3 năm 2018 và điều lệ sửa đổi được Đại hội nhà đầu tư thông qua từng thời kỳ và được đăng trên website của Công ty Quản lý Quỹ.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 64.178.972.500 VND, tương đương với 6.417.897,25 chứng chỉ quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 153.978.822.500 VND, tương đương với 15.397.882,25 chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ là 216.407.312.352 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 206.231.282.400 VND, tương đương với 20.623.128,24 chứng chỉ quỹ).

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại Tầng 12, Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 53/GPĐC-UBCK cấp ngày 28 tháng 6 năm 2023.

Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, công bằng, trung thực vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính là bà Nguyễn Thị Ngọc, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG (TIẾP THEO)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên của Ban Đại diện Quỹ đã điều hành Quỹ trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Vũ Hồng Phú	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2018 Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2021
Bà Lâm Thị Minh Thúy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Xuyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2021
Bà Trần Thu Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán VACO là công ty kiểm toán cho Quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB (“Quỹ”) trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB (“CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ”) ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư MB (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Quỹ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và tình hình đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ,



Ông Vũ Hồng Phú

Chủ tịch

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1.1. Mục tiêu

Mục tiêu chính của Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB (“Quỹ”) là hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại trái phiếu, các công cụ có thu nhập cố định được phát hành tại Việt Nam.

1.2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán, thay đổi giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ là giảm 17,11% so với giá trị đầu kỳ báo cáo; thay đổi NAV trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ (“CCQ”) của Quỹ là tăng 11,01% so với giá trị đầu kỳ báo cáo.

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

1.3.1 Chiến lược đầu tư

- Quỹ định hướng xây dựng một danh mục đa dạng các công cụ nợ bao gồm nhưng không giới hạn bởi các loại tài sản như sau: các loại trái phiếu chính phủ; trái phiếu được chính phủ bảo lãnh thanh toán; trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chưa niêm yết theo quy định của pháp luật; chứng chỉ tiền gửi; hợp đồng tiền gửi và các công cụ thị trường tiền tệ khác;
- Để đạt được mục tiêu đề ra, Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống “Top-Down Approach”, trong đó việc đầu tư và phân bổ trái phiếu sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, ngành hưởng lợi, cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên “Bottom Up Approach” trong việc lựa chọn từng trái phiếu cụ thể thông qua việc đánh giá phân tích tổ chức phát hành và diễn biến của trái phiếu trước tác động của khuynh hướng thị trường;
- Công ty Quản lý Quỹ sẽ đánh giá những chuyển động của thị trường trái phiếu để phân bổ tỷ trọng trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, các công cụ nợ khác và tiền mặt ở một tỷ lệ thích hợp, vừa đảm bảo khả năng sinh lời, vừa đảm bảo khả năng thanh khoản của Quỹ;
- Quỹ sẽ linh hoạt phân bổ tài sản tùy theo điều kiện thị trường và tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có. Định hướng quỹ sẽ đầu tư 100% tài sản của quỹ vào tài sản có thu nhập cố định và không đầu tư cổ phiếu, tuy nhiên có thể thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu nếu quyền này được phát hành kèm trái phiếu. Trong mọi trường hợp, giá trị cổ phiếu mà Quỹ nắm giữ sẽ không vượt quá 20% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

1.3.2 Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư

Bên cạnh trái phiếu chính phủ, tiền gửi và các công cụ tiền tệ khác, Quỹ sẽ tập trung đầu tư vào các công cụ nợ do các doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong các ngành nghề sau đây (nhưng không giới hạn ở những ngành nghề này):

- Tài chính - ngân hàng;
- Viễn thông;
- Dịch vụ và hàng tiêu dùng;
- Y tế và Giáo dục;
- Bất động sản, xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng;
- Các ngành nghề được pháp luật cho phép và phù hợp với chiến lược đầu tư tại từng thời điểm theo quyết định hợp lý của Công ty Quản lý Quỹ.

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (TIẾP THEO)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (TIẾP THEO)

1.3.3 Các loại tài sản được phép đầu tư

Tài sản được lựa chọn để đầu tư bao gồm:

- ▶ Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- ▶ Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- ▶ Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- ▶ Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- ▶ Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành (*);
- ▶ Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ (**);
- ▶ Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

(*) Việc đầu tư vào các tài sản này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- ▶ Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- ▶ Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;

(**) Trường hợp Quỹ đầu tư vào các tài sản này: người điều hành quỹ phải có thêm chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.

1.4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở.

1.5 Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Nhà đầu tư vào Quỹ có thể dễ dàng bán lại chứng chỉ quỹ cho Quỹ hàng ngày vào các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ lễ tết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ trong thời gian ngắn sẽ chịu mức phí mua lại được quy định trong Bản cáo bạch của Quỹ. Vì vậy, tùy thuộc vào thị trường, nhu cầu của nhà đầu tư mà nhà đầu tư có thể tự quyết định thời gian đầu tư vào Quỹ.

1.6 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ đầu tư Trái phiếu MB (trước đây là Quỹ Đầu tư Tăng trưởng MB Capital) được thành lập ngày 26 tháng 3 năm 2018 theo Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đại chúng số 32/GCN-UBCK; Giấy chứng nhận điều chỉnh số 07/GCN-UBCK cấp ngày 17 tháng 8 năm 2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN").

Quỹ đầu tư Trái phiếu MB là quỹ công chúng dạng mở được Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư MB quản lý trong suốt thời hạn hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho công ty quản lý quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (TIẾP THEO)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (TIẾP THEO)

1.7 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 153.978.822.500 VND, tương đương với 15.397.882,25 chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ là 216.407.312.352 VND.

1.8 Chỉ số tham chiếu

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

1.9. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc chứng chỉ quỹ. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo đến Nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định pháp luật.

Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi tức phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
- Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
- Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét;
- Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.

1.10 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (TIẾP THEO)

2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1. Cơ cấu tài sản của Quỹ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Danh mục chứng khoán	84,47%	90,51%	12,17%
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	7,99%	7,75%	34,70%
Các tài sản khác	7,54%	1,74%	53,13%
	100,00%	100,00%	100,00%

2.2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2021
Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	216.407.312.352	261.084.787.418	1.263.993.299.904
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (chứng chỉ quỹ)	15.397.882,25	20.623.128,24	100.947.366,84
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND)	14.054	12.660	12.521
Giá trị tài sản ròng cao nhất của một đơn vị CCQ trong năm (VND)	14.054	13.119	12.521
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của một đơn vị CCQ trong năm (VND)	12.664	12.527	11.801
Giá cuối ngày của một đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày cao nhất của một đơn vị CCQ trong năm	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày thấp nhất của một đơn vị CCQ trong năm	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	11,01%	1,11%	6,14%
- Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi đo biến động giá)	-0,15%	-3,18%	0,28%
- Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	11,16%	4,29%	5,86%
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	-	-	-
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	-	-	-
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	1,59%	1,36%	1,47%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	421,55%	112,28%	144,70%

2.3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
1 năm đến thời điểm báo cáo	11,01%	11,01%
3 năm đến thời điểm báo cáo	19,13%	6,01%
Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo	40,54%	6,08%

2.4. Tăng trưởng hàng kỳ

Thời kỳ	Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	11,01%	1,11%	6,14%	6,68%

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (TIẾP THEO)

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

Tăng trưởng GDP trong cả năm 2023 đạt mức 5,05% so với năm trước, thấp hơn so với mức kế hoạch 6,5% từ đầu năm của Chính phủ trong bối cảnh kinh tế toàn cầu bị ảnh hưởng nặng nề từ các bất ổn địa chính trị và chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương lớn trên thế giới. Mặc dù vậy, với mức tăng trưởng 5,05% cùng các yếu tố vĩ mô khác tiếp tục duy trì rất ổn định Việt Nam vẫn đang là điểm sáng của tăng trưởng toàn cầu.

Cụ thể, chỉ số CPI cuối tháng 12/2023 tăng 3,58%, thấp hơn so với mức 4% kế hoạch của Chính phủ. Tỷ giá VND/USD sau giai đoạn tăng nhanh vào Quý 3 năm 2023 đã ổn định trở lại vào giai đoạn cuối năm. Đến hết tháng 12/2023, tỷ giá VND/USD bình quân trên thị trường tự do chỉ còn tăng 1,04% so với cùng kỳ năm trước.

Việc áp lực tỷ giá và lạm phát dần hạ nhiệt đã tạo điều kiện cho NHNN duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng nhằm hỗ trợ cho tăng trưởng nền kinh tế. Hiện tại, mặt bằng lãi suất huy động tiếp tục được duy trì ở vùng thấp lịch sử và sẽ không gặp nhiều áp lực tăng trong ngắn hạn trong bối cảnh nhiều khả năng FED đã hoàn tất quá trình tăng lãi suất và sẽ bắt đầu thực hiện các đợt cắt giảm trong năm 2024.

Các động lực tăng trưởng khác của Việt Nam như đầu tư công hay vốn đầu tư FDI tiếp tục có sự cải thiện so với các năm trước. Giải ngân vốn đầu tư công đến hết tháng 11/2023 tăng 22,1% so với cùng kỳ và hoàn thành hơn 75% kế hoạch cả năm. Vốn đăng ký FDI tiếp tục tăng trưởng ổn định với mức tăng 14,8% so với cùng kỳ.

4. SỐ LIỆU CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ thời điểm thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	11,16%	16,45%	27,44%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	-0,15%	2,68%	13,10%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	11,01%	19,13%	40,54%
Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ	11,01%	6,01%	6,08%

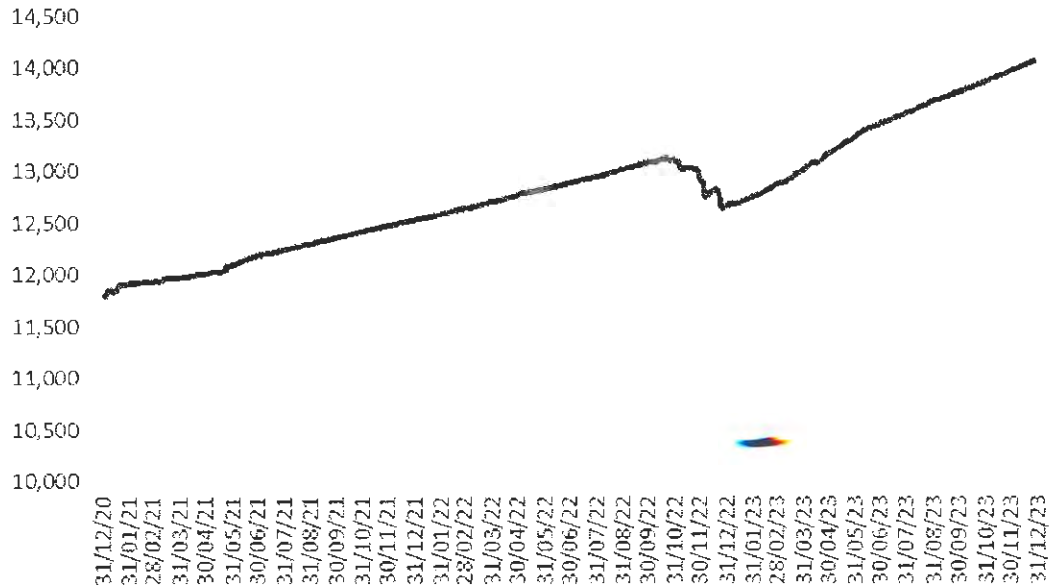
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (TIẾP THEO)

4. SỐ LIỆU CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (TIẾP THEO)

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất:



Thay đổi giá trị tài sản ròng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	216.407.312.352	261.084.787.418	-17,11%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	14.054	12.660	11,01%

4.2. Thống kê về Nhà Đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo:

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà Đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	4.768	590.925,20	3,84%
Từ 5.000 đến 10.000	63	433.231,12	2,81%
Từ trên 10.000 đến 50.000	40	789.526,03	5,13%
Từ trên 50.000 đến 500.000	9	917.268,48	5,96%
Trên 500.000	2	12.666.931,42	82,26%
	4.882	15.397.882,25	100,00%

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Dự báo kinh tế vĩ mô 2024

Năm 2024, với việc một số nút thắt trong hoạt động giải ngân đầu tư công cũng như thủ tục đấu thầu, cấp giấy phép khai thác nguyên vật liệu, đơn giá xây dựng và nguyên vật liệu cao đã được giải quyết một phần trong năm 2023, đầu tư công sẽ tiếp tục là động lực tốt cho tăng trưởng kinh tế. Trong khi các động lực tăng trưởng trong nước vẫn được duy trì, bối cảnh kinh tế thế giới trong năm 2024 được dự báo sẽ dần có sự hồi phục. Các tổ chức tài chính lớn dự báo kinh tế toàn cầu tiếp tục tăng trưởng gần 3% trong năm 2024, thương mại toàn cầu tăng trên 3,5%. Theo đó, kinh tế Việt Nam cũng sẽ được hưởng lợi và có thể quay lại mức tăng trưởng trên 6%, đây cũng là kế hoạch tăng trưởng của Chính phủ cho năm 2024.

Kịch bản các chỉ số kinh tế vĩ mô 2024 của Việt Nam như sau:

Chỉ tiêu	2022	2023	2024F
Tăng trưởng GDP	8,02%	5,05%	6,0%
Lạm phát	3,15%	3,58%	4,0%
Tỷ giá USD/VND	23.730	24.050	24.500
Tăng trưởng tín dụng	12,87%	13,50%	15,00%

Dự báo thị trường trái phiếu doanh nghiệp 2024

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp có tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn nhờ nhu cầu phát triển của thị trường vốn phục vụ sự phát triển của nền kinh tế. Trong ngắn hạn thị trường tiếp tục chịu áp lực do khối lượng trái phiếu đáo hạn lớn trong năm 2024, đồng thời tâm lý của nhà đầu tư đối với TPDN vẫn còn thận trọng. Mặc dù vậy, mặt bằng lãi suất rất thấp giai đoạn nửa cuối năm 2023 dự báo tiếp tục được duy trì trong năm 2024, đây là yếu tố hỗ trợ tích cực, thúc đẩy nhu cầu đầu tư TPDN trong thời gian tới.

Những tổ chức phát hành có tài chính tốt, lành mạnh, hoạt động kinh doanh ổn định có khả năng sẽ huy động được trở lại vốn từ thị trường trái phiếu. Nhóm tổ chức tín dụng, ngân hàng với nhu cầu tăng vốn trung và dài hạn, nhiều khả năng sẽ tiếp tục đóng góp chính cho sự khởi sắc trở lại của thị trường trái phiếu doanh nghiệp giai đoạn tới. Trong khi đó nhóm bất động sản dự báo vẫn chưa thể tăng nhanh quy mô huy động từ thị trường trái phiếu trong năm 2024.

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN KHÁC

Đội ngũ quản lý Quỹ

Ông Hà Anh Tùng

Giám đốc đầu tư điều hành Quỹ

Ông Hà Anh Tùng có trên 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư. Trước khi gia nhập MB Capital, ông Tùng có 5 năm làm trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư tại Công ty quản lý quỹ IPA, phụ trách quản lý danh mục đầu tư ủy thác của khách hàng tổ chức.

Trước đó, ông Tùng là chuyên gia quản lý danh mục tại Tổng công ty cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam (PVFC).

Gia nhập MBCapital từ năm 2018, hiện ông Tùng đảm nhiệm vị trí Giám đốc đầu tư phụ trách quản lý danh mục ủy thác cho Khách hàng có quy mô vốn lớn và quản lý các danh mục đầu tư trái phiếu. Ông Tùng từng tốt nghiệp cử nhân Kinh tế đối ngoại tại trường Đại học Ngoại thương

Ông Giang Trung Kiên

Phó Tổng Giám đốc kiêm

Người điều hành Quỹ

Ông Giang Trung Kiên có trên 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng - Đầu tư. Trước khi gia nhập MB Capital trong vai trò Giám đốc Phân tích, ông Kiên là Giám đốc Phân tích đầu tư của Công ty Chứng khoán FPT và chuyên viên cao cấp phòng Dự án của Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Ông Kiên có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của trường Đại học Deakin (Melbourne, Australia) và chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Ông Giang Trung Kiên hiện đang là Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (PGC).

Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư MB

Ông Chu Hồng Kiên

Tổng Giám đốc

Ông Kiên có hơn 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính Ngân hàng. Trước khi gia nhập MB Capital, ông Kiên từng là Giám đốc Chi nhánh Thủ Đức Ngân hàng TMCP Quân đội.

Ông Giang Trung Kiên

Phó Tổng Giám đốc

Ông Giang Trung Kiên có trên 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng - Đầu tư. Trước khi gia nhập MB Capital trong vai trò Giám đốc Phân tích, ông Kiên là Giám đốc Phân tích đầu tư của Công ty Chứng khoán FPT và chuyên viên cao cấp phòng Dự án của Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Ông Kiên có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của trường Đại học Deakin (Melbourne, Australia) và chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Ông Giang Trung Kiên hiện đang là Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (PGC)

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

Ban Đại diện Quỹ

Ông Vũ Hồng Phú

Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc MB Ageas Life

Ông Vũ Hồng Phú hiện giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas Life.

Ông Vũ Hồng Phú có bằng Thạc sỹ về Ngân hàng Tài chính của Đại học Paris Dauphine và ESCP Châu Âu. Ông có hơn 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, quản lý tài sản tại Việt Nam. Tháng 9/2008, ông Phú gia nhập Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB), từng đảm nhiệm nhiều vị trí tại Khối nguồn vốn và sau đó là Chánh Văn Phòng Hội đồng Quản trị MB.

Bà Lâm Thị Minh Thúy

*Trưởng phòng Phòng Ngân hàng đầu tư
Khối Khách hàng lớn MB*

Bà Lâm Thị Minh Thúy có hơn 16 năm kinh nghiệm làm việc tại Khối Khách hàng lớn Ngân hàng TMCP Quân đội.

Bà Lâm Thị Minh Thúy có bằng Thạc sỹ Quản lý kinh tế, Đại học Thương Mại.

Bà Nguyễn Thị Xuyên

*Phó phòng CSCĐ
Khối Tài chính kế toán MB*

Bà Nguyễn Thị Xuyên có gần 15 năm kinh nghiệm làm việc tại Khối Tài chính kế toán Ngân hàng TMCP Quân đội.

Bà Nguyễn Thị Xuyên có bằng Thạc sỹ Tài chính ngân hàng, Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

Bà Trần Thu Lan

Luật sư

Bà Trần Thu Lan tốt nghiệp Cử nhân Luật chuyên ngành Hành chính - Tư Pháp tại Đại học Luật Hà Nội, thạc sỹ chuyên ngành Luật dân sự tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Bà Lan có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn pháp lý, kiểm soát tuân thủ, quản trị điều hành doanh nghiệp. Bà Lan gia nhập Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) kể từ năm 2009 và hiện đang đảm nhiệm chức vụ Trợ lý pháp chế HĐQT của MB.

Ông Giang Trung Kiên

Phó Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ đầu tư trái phiếu MB (MBBOND) cho năm tài chính 2023 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Với sự hiểu biết của chúng tôi trong kỳ tài chính Quỹ đầu tư trái phiếu MB đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

b) Việc tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan: danh mục của quỹ có phát sinh sai lệch so với hạn chế đầu tư của quỹ, cụ thể:

- Tại các kỳ định giá tài sản ròng từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023 tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC của một tổ chức phát hành (Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư địa ốc Nova) trên tổng tài sản của Quỹ vượt quá hạn mức tối đa 20%, quy định tại điểm c khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC. Sai lệch này phát sinh từ ngày 22/11/2022 và đã quá 3 tháng kể từ thời điểm phát sinh sai lệch nhưng quỹ vẫn chưa điều chỉnh được cơ cấu danh mục.

- Tại các kỳ xác định giá trị tài sản ròng từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023 tỷ lệ đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, đ và e khoản 2 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu (Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư địa ốc Nova) vượt 30% tổng tài sản, quy định tại điểm d khoản 4 điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC. Sai lệch này phát sinh từ ngày 07/12/2022 và đã quá 3 tháng kể từ thời điểm phát sinh sai lệch nhưng quỹ vẫn chưa điều chỉnh được cơ cấu danh mục.

- Tại các kỳ định giá giá trị tài sản ròng từ ngày 01/01/2023 đến 05/03/2023 do thực hiện lệnh bán chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, tỷ lệ đầu tư vào trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của TCTD hoặc cam kết mua lại của TCPH tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành vượt 10% tổng tài sản, quy định tại điểm đ khoản 4 điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC.

- Tại các kỳ định giá tài sản ròng từ ngày 08/08/2023 đến 20/08/2023, từ ngày 24/08/2023 đến 05/09/2023 tỷ lệ đầu tư trên tổng tài sản của Quỹ vào một tổ chức phát hành (Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn) vượt quá hạn mức tối đa 20%, quy định tại điểm c khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC.

- Tại các kỳ xác định giá trị tài sản ròng từ ngày 24/08/2023 đến 27/08/2023 tỷ lệ đầu tư vào các tài sản phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu (Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn) vượt 30% tổng tài sản, quy định tại điểm d khoản 4 điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC.

c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đầu tư trái phiếu MB đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Việc phát hành và giao dịch Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên tại báo cáo khớp lệnh ngày 16/02/2023, 20/02/2023, 24/02/2023, 28/02/2023, 01/03/2023, 02/03/2023, 03/03/2023 công ty quản lý quỹ chỉ thực hiện mua lại một phần trên tổng giá trị yêu cầu mua lại từ khách hàng.

Theo khoản 1c điều 16 Điều lệ quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư khi xảy ra trường hợp: “Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của Nhà Đầu Tư không thể thực hiện được do: (i) Tính thanh khoản của thị trường thấp; (ii) Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch do quyết định của sở giao dịch chứng khoán.

e) Trong kỳ, quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận.

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2024

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Mạnh Cường

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

(Ký, ghi rõ họ tên)

M2

Nguyễn Phương Dung

Số: 060 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các nhà đầu tư
Quý Đầu tư Trái phiếu MB

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB (“Quỹ”), được lập ngày 12 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 16 đến trang 62, bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB, là Công ty Quản lý Quỹ, chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Quỹ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư MB cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và tình hình đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến hạn mức đầu tư của các khoản đầu tư được trình bày tại “Báo danh mục đầu tư” và Thuyết minh số 19 phần Thuyết minh báo cáo tài chính - Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính và rủi ro về tính thanh khoản. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Phương Lan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0917-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Thị Huyền
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 3652-2021-156-1

BÁO CÁO THU NHẬP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	01		26.917.532.848	95.730.451.878
1.1. Cổ tức, trái tức được chia	02	5	27.204.441.730	42.197.464.419
1.2. Tiền lãi được nhận	03	5	926.442.885	75.572.614.746
1.3. Lãi, (lỗ) bán các khoản đầu tư	04	6	(1.021.319.631)	(22.367.082.463)
1.4. Chênh lệch tăng, (giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	7	(192.032.136)	327.455.176
II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ	10		8.889.254	227.084.298
2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	10	8	8.889.254	227.084.298
III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ	20		3.537.798.098	23.140.161.646
3.1. Phí quản lý quỹ mở	20.1		2.679.535.740	20.689.245.808
3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	20.2		184.641.598	1.045.748.474
3.3. Phí dịch vụ giám sát	20.3		66.000.000	379.424.059
3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	20.4		198.000.000	576.553.840
3.5. Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	20.5		158.400.000	145.200.000
3.6. Chi phí kiểm toán	20.8		71.500.000	63.636.364
3.7. Chi phí hoạt động khác	20.10	9	179.720.760	240.353.101
IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23=01-10-20)	23		23.370.845.496	72.363.205.934
V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC	24		-	14.865.364
5.1. Thu nhập khác	24.1		-	14.865.364
VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (30=23+24)	30		23.370.845.496	72.378.071.298
6.1. Lợi nhuận đã thực hiện	31		23.562.877.632	72.050.616.122
6.2. Lợi nhuận, (lỗ) chưa thực hiện	32		(192.032.136)	327.455.176
VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	40		-	-
VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (41=30-40)	41		23.370.845.496	72.378.071.298



Ông **Giảng Trung Kiên**
 Phó Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2024

Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**
 Kế toán trưởng

Bà **Trương Thị Hà Anh**
 Người lập biểu

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022
I.	TÀI SẢN			217.152.135.989	261.537.827.830
1.	Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	110	10	17.344.202.207	20.261.153.789
1.1.	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ mở	111		1.344.202.207	261.153.789
1.2.	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	112		16.000.000.000	20.000.000.000
2.	Các khoản đầu tư thuần	120	11	183.432.876.524	236.715.900.417
2.1.	Các khoản đầu tư	121		183.432.876.524	236.715.900.417
3.	Các khoản phải thu	130	12	16.375.057.258	4.560.773.624
3.1.	Phải thu về bán các khoản đầu tư	131		-	-
3.2.	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133		16.375.057.258	4.560.773.624
3.2.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư chưa đến ngày nhận	136		16.375.057.258	4.560.773.624
	TỔNG TÀI SẢN	100		217.152.135.989	261.537.827.830
II.	NỢ PHẢI TRẢ	300		744.823.637	453.040.412
1.	Chi phí phải trả	316		35.750.000	65.000.000
2.	Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	317		443.824.548	12.566.000
3.	Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	318		11.726.610	8.943.988
4.	Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	319	13	253.522.479	366.530.424
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	300		744.823.637	453.040.412
III.	GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ (I-II)	400		216.407.312.352	261.084.787.418
1.	Vốn góp của Nhà đầu tư	411	14	153.978.822.500	206.231.282.400
1.1.	Vốn góp phát hành	412		5.101.025.248.700	5.078.655.256.700
1.2.	Vốn góp mua lại	413	14	(4.947.046.426.200)	(4.872.423.974.300)
2.	Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	414		(71.527.198.466)	(55.731.337.804)
3.	Lợi nhuận chưa phân phối	420	15	133.955.688.318	110.584.842.822
IV.	GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ	430		14.054	12.660
V.	LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ	440		-	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022
VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH				
1. Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	004		15.397.882,25	20.623.128,24



Ông **Giảng Trung Kiên**
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2024

Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**
Kế toán trưởng

Bà **Trương Thị Hà Anh**
Người lập biểu

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG,
GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2022
I.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu năm	261.084.787.418	1.263.993.299.904
II.	Thay đổi NAV so với năm trước (II.1+II.2), trong đó:	23.370.845.496	72.378.071.298
II.1.	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong năm	23.370.845.496	72.378.071.298
II.2.	Thay đổi NAV do phân chia Lợi nhuận/Tài sản của Quỹ mở cho Nhà đầu tư trong năm	-	-
III.	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ (III.1-III.2)	(68.048.320.562)	(1.075.286.583.784)
III.1.	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	30.643.311.255	4.477.542.113.854
III.2.	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	98.691.631.817	5.552.828.697.638
IV.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm (I+II+III)	216.407.312.352	261.084.787.418



Ông Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2024

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Bà Trương Thị Hà Anh
Người lập biểu

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	Loại tài sản	Mã trái phiếu	Số lượng trái phiếu	Giá trị hợp lý	Tổng giá trị (VND)	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị TS của quỹ
I.	Cổ phiếu niêm yết		-	-	-	0,00%
II.	Cổ phiếu không niêm yết		-	-	-	0,00%
	Tổng các loại cổ phiếu					0,00%
III.	Trái phiếu					
-	Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	BAF122029	100.071	100.000,00	10.007.100.000	4,61%
-	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc NOVA (*)	NVL122001	1.733.333	100.053,35	173.425.776.524	79,86%
	Tổng				183.432.876.524	84,47%
IV.	Các loại chứng khoán khác				-	0,00%
V.	Các tài sản khác					
-	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư				16.375.057.258	7,54%
	Tổng				16.375.057.258	7,54%
VI.	Tiền				17.344.202.207	7,99%
1.	Tiền gửi ngân hàng				17.344.202.207	7,99%
VII.	Tổng giá trị danh mục				217.152.135.989	100%

Ghi chú:

(*) Để đảm bảo việc mua lại chứng chỉ quỹ của khách hàng Quỹ đã thực hiện bán một số trái phiếu trong năm 2023 dẫn tới:

Tại các kỳ định giá tài sản ròng từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 tỷ lệ đầu tư vào mã trái phiếu NVL122001 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc NOVA trên tổng tài sản của Quỹ vượt quá hạn mức tối đa 20%. Tính đến thời điểm ngày 22 tháng 02 năm 2023 đã quá 3 tháng kể từ thời điểm phát sinh sai lệch tỷ lệ này cũng như tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 và thời điểm phát hành báo cáo này, Quỹ vẫn chưa điều chỉnh được cơ cấu danh mục.

Tại các kỳ xác định giá trị tài sản ròng từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 tỷ lệ đầu tư vào mã trái phiếu NVL122001 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc NOVA (tài sản phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu) vượt 30% tổng tài sản của Quỹ. Tính đến thời điểm ngày 07 tháng 03 năm 2023 đã quá 3 tháng kể từ thời điểm phát sinh sai lệch tỷ lệ này cũng như tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 và thời điểm phát hành báo cáo này, Quỹ vẫn chưa điều chỉnh được cơ cấu danh mục.



Ông Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2024

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Bà Trương Thị Hà Anh
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền đã chi mua các khoản đầu tư	01		(1.000.384.165.058)	(3.006.386.758.550)
2.	Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư	02		993.729.036.023	3.984.987.456.479
3.	Cổ tức, trái tức đã nhận	03		-	-
4.	Tiền lãi đã thu	04		75.041.402.142	107.020.295.880
5.	Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của Quỹ mở	05		-	-
6.	Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ mở	06		(3.680.056.043)	(24.200.317.098)
7.	Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động Quỹ mở	07		-	-
8.	Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phí môi giới, phí chuyển tiền)	08		(8.889.254)	(227.084.298)
9.	Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư	09		13.200	15.001.764
10.	Tiền chi khác cho hoạt động đầu tư	10		(13.200)	(136.400)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	20		64.697.327.810	1.061.208.457.777
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ quỹ mở	21		31.074.569.803	4.449.375.557.191
2.	Tiền chi mua lại Chứng chỉ quỹ mở	22		(98.688.849.195)	(5.552.821.766.541)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	30		(67.614.279.392)	(1.103.446.209.350)
III.	Tăng/giảm tiền thuần trong năm	40		(2.916.951.582)	(42.237.751.573)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	50		20.261.153.789	62.498.905.362
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	51		20.261.153.789	62.498.905.362
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở	52		20.239.643.801	34.317.769.808
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua, bán Chứng chỉ quỹ	53		21.509.988	28.181.135.554
V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	55	10	17.344.202.207	20.261.153.789
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	56		17.344.202.207	20.261.153.789
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở	57		16.888.651.049	20.239.643.801
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua, bán Chứng chỉ quỹ	58		455.551.158	21.509.988
VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm	60		(2.916.951.582)	(42.237.751.573)



Ông **Giăng Trung Kiên**
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2024

Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**
Kế toán trưởng

Bà **Trương Thị Hà Anh**
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ

1.1. Hoạt động của Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB (trước đây là Quỹ Đầu tư Tăng trưởng MB Capital) (“Quỹ”) được thành lập ngày 26 tháng 3 năm 2018 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 đã được thay thế bởi Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở đã được thay thế bởi Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư số 91/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định về chế độ báo cáo và thủ tục hành chính áp dụng với công ty quản lý quỹ, quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán. Quỹ được đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 11/GCN-UBCK ngày 13 tháng 2 năm 2018. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 32/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 26 tháng 3 năm 2018, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Ngày 17 tháng 8 năm 2020, Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận số 07/GCN-UBCK về việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng, chuyển đổi Quỹ Đầu tư Tăng trưởng MB Capital thành Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 21 tháng 3 năm 2018 và điều lệ sửa đổi được Đại hội nhà đầu tư thông qua từng thời kỳ và được đăng trên website của Công ty Quản lý Quỹ.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 64.178.972.500 VND, tương đương với 6.417.897,25 chứng chỉ quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 153.978.822.500 VND, tương đương với 15.397.882,25 chứng chỉ quỹ (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 206.231.282.400 VND, tương đương với 20.623.128,24 chứng chỉ quỹ).

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Tòa nhà số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 53/GPĐC-UBCK cấp ngày 28 tháng 6 năm 2023.

Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này là Bà Nguyễn Thị Ngọc, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Quản lý Quỹ.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Ngân hàng Giám sát được lựa chọn để thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (TIẾP THEO)

1.2. Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ là hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại trái phiếu, các công cụ có thu nhập cố định được phát hành tại Việt Nam.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được định giá hàng ngày và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo cho việc định giá để lập báo cáo tháng/quý/bán niên/năm theo luật định.

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ

Chứng chỉ Quỹ được giao dịch hàng ngày vào các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ lễ tết theo quy định của pháp luật.

Hạn chế đầu tư

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo:

- Đầu tư tối thiểu tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng của quỹ vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác.
- Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có: “Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật”) của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản sau được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định pháp luật:
 - Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
 - Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
- Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản: Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ (TIẾP THEO)

1.2. Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (Tiếp theo)

- Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
- Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của Quỹ;
- Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế quy định trên và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ theo quy định pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
- Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- Quỹ mới được phép cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu tháng (06), tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (Thông tư số 198) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư số 181/2015/TT-BTC (“Thông tư số 181”) ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và Thông tư số 91/2019/TT-BTC (“Thông tư số 91”) ngày 31 tháng 12 năm 2019. Theo đó, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

Do vậy, báo cáo tài chính kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tính hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.2 Tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB khẳng định rằng báo cáo tài chính kèm theo được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Quỹ là Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ và tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu chưa niêm yết, trái phiếu, các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng, chứng khoán phái sinh và các tài sản khác.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Tất cả các khoản đầu tư đều được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư”, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục “Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận” trên báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư” trên bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc như sau:

- Tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc của các khoản tiền gửi này;
- Trái phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các trái phiếu này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục “Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận” trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý, các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98 và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt:

Nguyên tắc định giá

- Tiền (VND) là số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.
- Tiền gửi có kỳ hạn được xác định là số dư tiền gửi có kỳ hạn cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
- Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu: Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.3 Các khoản đầu tư (Tiếp theo)

- Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác:

- Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày trước ngày định giá;
- Trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất của kỳ hạn tương ứng trên đường cong lãi suất HNSX được xác định theo phương pháp nội suy tuyến tính và thời gian nắm giữ công cụ.

- Trái phiếu niêm yết:

Giá yết (Giá sạch) bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng với lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế);

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sở tay định giá và đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản (giá trái phiếu có biến động bất thường là giá có chênh lệch tuyệt đối quá 1% so với giá của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua trong trường hợp không có giá của kỳ định giá gần nhất), giá được sử dụng theo thứ tự ưu tiên sau:

- Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 03 tháng tính đến ngày định giá;
- Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

Đối với trái phiếu niêm yết bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch: Trái phiếu được định giá theo mệnh giá của trái phiếu cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

- Trái phiếu chưa niêm yết:

- Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá;
- Trong trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn ít hơn 15 ngày tính đến ngày định giá: Mệnh giá cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

- Cổ phiếu:

- Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: Được đánh giá theo giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, thì được xác định theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;
- Giá mua trung bình.

- Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM: được đánh giá theo giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, thì được xác định theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;
- Giá mua trung bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.3. Các khoản đầu tư (Tiếp theo)

- Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch: Là giá được xác định theo thứ tự ưu tiên sau đây:
 - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;
 - Giá mua trung bình.
- Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản: 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá.
- Cổ phần, phần vốn góp khác: Giá mua/ Giá trị vốn góp.
- Cổ phiếu của doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa lần đầu chào bán chứng khoán ra công chúng cho giai đoạn từ khi đầu giá đến khi hoàn thành đăng ký lưu ký và giao dịch chính thức trên thị trường: Giá mua.
- Cổ phiếu đang làm thủ tục chuyển sàn: Giá đóng cửa cuối cùng của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

- Chứng khoán phái sinh:

Chứng khoán phái sinh niêm yết: Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất.

Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá: Được xác định tương tự cổ phiếu niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá.

Quyền mua chứng khoán:

- Quyền mua chứng khoán phát sinh từ các chứng khoán đang được nắm giữ bởi Quỹ được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán và kết quả hoạt động chưa thực hiện trong kỳ lập báo cáo tài chính.
- Giá trị của quyền mua chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý (theo các phương pháp nêu trên) của chứng khoán tại ngày của báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.

- Các tài sản khác:

Bất động sản: Giá được định giá bởi doanh nghiệp thẩm định giá tại thời điểm gần nhất.

Các tài sản được phép đầu tư khác:

- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất - trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp.
- Việc định giá phải được xem xét đối với từng tài sản cụ thể và theo nguyên tắc định giá khoa học và khách quan do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

Lãi/(lỗ) do đánh giá lại các khoản đầu tư

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các khoản đầu tư.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.4 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) được xác định bằng tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như khoản phải trả mua chứng khoán, giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ môi giới, giá dịch vụ hành chính, giá dịch vụ định giá...) tại ngày trước ngày định giá.

NAV = Tổng giá trị tài sản của Quỹ - Tổng nợ phải trả của Quỹ.

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành.

$$uNAV = NAV/N$$

Trong đó:

uNAV: giá trị đơn vị quỹ

N: tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, cổ tức được nhận, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.6 Các khoản phải trả

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

4.7 Dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Quỹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Quỹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.8 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của nhà đầu tư

Vốn góp của nhà đầu tư bao gồm vốn góp theo mệnh giá và thặng dư vốn. Trong đó, thặng dư vốn thể hiện số tiền chênh lệch giữa số tiền thực nhận/ thực trả tính theo giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá của chứng chỉ quỹ.

Các chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

Số lượng chứng chỉ Quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện trong năm là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong năm.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong năm là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối".

4.9 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Quỹ được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận vào báo cáo thu nhập, tuy nhiên vẫn được cập nhật số lượng cổ phiếu để đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản theo quy định của pháp luật (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.10 Chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

Giá dịch vụ quản lý

Giá dịch vụ quản lý là 1,20%/năm tính trên tổng giá trị tài sản ròng và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ. Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng.

Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản lý = 1,20% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ giám sát và lưu ký

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính và trích lập vào mỗi kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng tại ngày định giá.

Giá dịch vụ giám sát và lưu ký được xác định như sau:

Giá dịch vụ lưu ký = 0,06% * Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ lưu ký tối thiểu: 15.000.000 VND/tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ giám sát = 0,02% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ giám sát tối thiểu: 5.000.000 VND/tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Mức giá dịch vụ lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Mức giá dịch vụ trên không bao gồm các phí/giá dịch vụ thông thường khác như giá dịch vụ ngân hàng lưu ký phải trả cho bên thứ ba như Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, phí/giá sửa lệnh..., cụ thể:

Giá dịch vụ lưu ký xử lý giao dịch: 150.000 VND/1 giao dịch/1 mã chứng khoán/1 ngày.

Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.

Giá dịch vụ quản trị Quỹ tối đa được tính theo công thức sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ = 0,03% * Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu: 15.000.000 VND/tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Mức giá dịch vụ tối thiểu trong tháng sẽ được áp dụng cho Quỹ nếu mức giá dịch vụ phải trả theo giá trị tài sản ròng trong tháng ít hơn mức giá tối thiểu đã thống nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.10 Chi phí (Tiếp theo)

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm giá cố định hàng tháng là 12.000.000 VND/tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Tiền thiết lập, duy trì thông tin, tiền kết nối, tiền cung cấp thông tin được miễn. Mức giá trên chưa bao gồm các tiền khác như tiền gửi thư cho nhà đầu tư, tiền lập danh sách thực hiện quyền, tiền cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được phân bổ hàng kỳ vào mỗi kỳ định giá.

Trong mọi trường hợp, tổng giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải đảm bảo tuân thủ mức tối đa 2%/năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Chi phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định khi ký kết hợp đồng kiểm toán.

4.11 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

a. Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư số 78") và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư số 111") và các văn bản sửa đổi bổ sung tương ứng do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

b. Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức đầu tư nước ngoài theo Thông tư số 111 và các văn bản sửa đổi và bổ sung, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 sửa đổi bổ sung Thông tư 78.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.12 Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

4.13 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MBTầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B06-QM**Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu từ cổ tức, trái tức	27.204.441.730	42.197.464.419
Doanh thu lãi tiền gửi	92.765.282	31.325.470.909
Doanh thu lãi giấy tờ có giá	833.677.603	44.247.143.837
Cộng	28.130.884.615	117.770.079.165

6. LÃI/(LỖ) BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm 2023		Năm 2022	
	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) các khoản đầu tư VND	Lãi/(lỗ) các khoản đầu tư VND
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-
Trái phiếu niêm yết	21.779.812.701	21.663.067.112	116.745.589	(10.141.903.291)
Trái phiếu chưa niêm yết	30.923.178.168	31.427.924.645	(504.746.477)	(1.139.597.417)
Chứng chỉ tiền gửi	914.039.038.095	914.672.356.838	(633.318.743)	(11.085.581.755)
Cộng	966.742.028.964	967.763.348.595	(1.021.319.631)	(22.367.082.463)

7. CHÊNH LỆCH TĂNG/(GIẢM) ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Chênh lệch điều chỉnh cho kỳ này VND
Trái phiếu niêm yết	183.432.876.524	183.432.876.524	-	192.032.136	(192.032.136)
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-
Cộng	183.432.876.524	183.432.876.524	-	192.032.136	(192.032.136)

8. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí giao dịch trái phiếu	8.889.254	206.084.298
Chi phí giao dịch chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi	-	21.000.000
Cộng	8.889.254	227.084.298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Phí ngân hàng	4.220.760	65.853.101
Phí quản lý thường niên	7.500.000	7.500.000
Chi thù lao Ban Đại diện Quỹ	168.000.000	166.600.000
Chi phí khác	-	400.000
Cộng	179.720.760	240.353.101

10. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12	Ngày 31 tháng 12
	năm 2023	năm 2022
	VND	VND
Tiền gửi không kì hạn bằng VND cho hoạt động của Quỹ tại:	888.651.049	239.643.801
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	888.651.049	239.643.801
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống bằng VND	16.000.000.000	20.000.000.000
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	443.824.548	12.566.000
Tài khoản thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư	11.726.610	8.943.988
Cộng	17.344.202.207	20.261.153.789

MẪU SỐ B06-QM

Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ghi chú:

Mã trái phiếu NVL122001 có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày trước ngày định giá nhưng giá yết (giá sạch) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là 55.389,72 VND/trái phiếu có chênh lệch tuyệt đối quá 1% so với giá của kỳ định giá gần nhất là 100.053,35 VND/trái phiếu và đã quá 03 tháng kể từ kỳ báo cáo gần nhất tính đến ngày định giá có biến động giá nên giá trị hợp lý được định giá theo giá mua cộng lại lũy kế tính đến ngày trước ngày định giá với giá trị là 100.053,35 VND/trái phiếu.

Mã trái phiếu BAF122029 được định giá theo giá mua cộng lãi lũy kế tính đến ngày trước ngày định giá với giá trị là 100.000 VND/trái phiếu (do không có giao dịch mua bán thông thường nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá và đã quá 03 tháng kể từ kỳ báo cáo gần nhất tính đến ngày định giá có biến động giá).

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B06-QM

Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Dự thu cổ tức	139.590.000	139.590.000
Dự thu lãi trái phiếu doanh nghiệp	16.207.338.491	4.414.608.282
Dự thu lãi tiền gửi	28.128.767	6.575.342
Cộng	16.375.057.258	4.560.773.624

13. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Phải trả phí quản lý	216.203.467	326.269.358
Phải trả phí lưu ký	15.319.012	17.658.243
Phải trả phí giám sát	5.500.000	6.102.823
Phải trả phí quản trị quỹ	16.500.000	16.500.000
Cộng	253.522.479	366.530.424

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng bình quân	Giá trị ghi theo mệnh giá	Thặng dư vốn	Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ
		Vốn góp phát hành		
6.417.897,25	10.000	64.178.972.500	-	64.178.972.500
2.065.092,29	10.537	20.650.922.900	1.108.795.597	21.759.718.497
8.482.989,54	10.131	84.829.895.400	1.108.795.597	85.938.690.997
2.428.785,90	10.846	24.287.859.000	2.055.323.342	26.343.182.342
10.911.775,44	10.290	109.117.754.400	3.164.118.939	112.281.873.339
118.478,81	11.317	1.184.788.100	156.093.663	1.340.881.763
11.030.254,25	10.301	110.302.542.500	3.320.212.602	113.622.755.102
147.281.967,67	12.321	1.472.819.676.700	341.866.491.647	1.814.686.168.347
158.312.221,92	12.180	1.583.122.219.200	345.186.704.249	1.928.308.923.449
349.553.303,75	12.809	3.495.533.037.500	982.009.076.354	4.477.542.113.854
507.865.525,67	12.613	5.078.655.256.700	1.327.195.780.603	6.405.851.037.303
2.236.999,20	13.698	22.369.992.000	8.273.319.255	30.643.311.255
510.102.524,87	12.618	5.101.025.248.700	1.335.469.099.858	6.436.494.348.558

11-11-2023 10:11:11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

	Vốn góp mua lại				Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ
	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng bình quân	Giá trị ghi theo mệnh giá	Thặng dư vốn	
Tại ngày 26/3/2018	-	-	-	-	-
Phát sinh trong kỳ	(201.000,00)	10.230	(2.010.000.000)	(46.273.000)	(2.056.273.000)
Tại ngày 31/12/2018	(201.000,00)	10.230	(2.010.000.000)	(46.273.000)	(2.056.273.000)
Phát sinh trong năm	(3.335.818,23)	11.150	(33.358.182.300)	(3.836.310.799)	(37.194.493.099)
Tại ngày 31/12/2019	(3.536.818,23)	11.098	(35.368.182.300)	(3.882.583.799)	(39.250.766.099)
Phát sinh trong năm	(3.022.113,42)	11.099	(30.221.134.200)	(3.321.653.930)	(33.542.788.130)
Tại ngày 31/12/2020	(6.558.931,65)	11.098	(65.589.316.500)	(7.204.237.729)	(72.793.554.229)
Phát sinh trong năm	(50.805.923,43)	12.395	(508.059.234.300)	(121.669.606.540)	(629.728.840.840)
Tại ngày 31/12/2021	(57.364.855,08)	12.247	(573.648.550.800)	(128.873.844.269)	(702.522.395.069)
Phát sinh trong năm	(429.877.542,35)	12.917	(4.298.775.423.500)	(1.254.053.274.138)	(5.552.828.697.638)
Tại ngày 31/12/2022	(487.242.397,43)	12.838	(4.872.423.974.300)	(1.382.927.118.407)	(6.255.351.092.707)
Phát sinh trong năm	(7.462.245,19)	13.225	(74.622.451.900)	(24.069.179.917)	(98.691.631.817)
Tại ngày 31/12/2023	(494.704.642,62)	12.844	(4.947.046.426.200)	(1.406.996.298.324)	(6.354.042.724.524)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B06-QM

Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN GÓP CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

	Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	Thay đổi giá trị vốn góp hiện hành	Giá trị tài sản ròng hiện hành/1 chứng chỉ quỹ
Tại ngày 26/3/2018	6.417.897,25	64.178.972.500	10.000
Tại ngày 31/12/2018	8.281.989,54	83.882.417.997	10.128
Tại ngày 31/12/2019	7.374.957,21	73.031.107.240	11.058
Tại ngày 31/12/2020	4.471.322,60	40.829.200.873	11.797
Tại ngày 31/12/2021	100.947.366,84	1.225.786.528.380	12.521
Tại ngày 31/12/2022	20.623.128,24	150.499.944.596	12.660
Tại ngày 31/12/2023	15.397.882,25	82.451.624.034	14.054

Quỹ được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 32/GCN-UBCK, vốn điều lệ ban đầu của Quỹ là 64.178.972.500 VND, tương ứng với 6.417.897,25 chứng chỉ quỹ theo mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/1 chứng chỉ quỹ.

15. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Lợi nhuận đã thực hiện	Lợi nhuận/(Lỗ) chưa thực hiện	Tổng cộng
Ngày 26/3/2018	-	-	-
Phát sinh trong kỳ	5.708.242.323	(5.713.155.450)	(4.913.127)
Ngày 31/12/2018	5.708.242.323	(5.713.155.450)	(4.913.127)
Phát sinh trong năm	5.388.175.379	3.138.030.867	8.526.206.246
Ngày 31/12/2019	11.096.417.702	(2.575.124.583)	8.521.293.119
Phát sinh trong năm	433.575.870	2.964.974.583	3.398.550.453
Ngày 31/12/2020	11.529.993.572	389.850.000	11.919.843.572
Phát sinh trong năm	26.812.200.992	(525.273.040)	26.286.927.952
Ngày 31/12/2021	38.342.194.564	(135.423.040)	38.206.771.524
Phát sinh trong năm	72.050.616.122	327.455.176	72.378.071.298
Ngày 31/12/2022	110.392.810.686	192.032.136	110.584.842.822
Phát sinh trong năm	23.562.877.632	(192.032.136)	23.370.845.496
Ngày 31/12/2023	133.955.688.318	-	133.955.688.318

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ
1	01/01/2023	261.084.787.418	20.623.128,24	12.660	12
2	03/01/2023	261.175.680.679	20.623.128,24	12.664	4
3	04/01/2023	259.872.972.348	20.513.889,66	12.668	4
4	05/01/2023	259.375.292.574	20.470.084,50	12.671	3
5	06/01/2023	256.970.390.763	20.275.765,09	12.674	3
6	09/01/2023	256.486.558.848	20.233.339,19	12.676	2
7	10/01/2023	248.747.841.897	19.613.073,22	12.683	7
8	11/01/2023	247.993.342.560	19.559.911,13	12.679	(4)
9	12/01/2023	247.060.038.148	19.494.949,92	12.673	(6)
10	13/01/2023	246.374.817.213	19.434.576,01	12.677	4
11	16/01/2023	245.931.953.466	19.387.559,31	12.685	8
12	17/01/2023	245.935.878.358	19.387.162,30	12.686	1
13	18/01/2023	245.798.106.327	19.367.917,04	12.691	5
14	19/01/2023	245.525.680.560	19.341.920,00	12.694	3
15	25/01/2023	244.102.557.072	19.192.043,29	12.719	25
16	27/01/2023	244.277.065.522	19.192.043,29	12.728	9
17	30/01/2023	244.573.810.049	19.194.980,51	12.742	14
18	31/01/2023	244.558.318.024	19.197.328,39	12.739	(3)
19	01/02/2023	244.624.743.545	19.195.784,15	12.744	5
20	02/02/2023	243.919.504.396	19.136.160,53	12.747	3
21	03/02/2023	241.407.316.167	18.934.894,44	12.749	2
22	06/02/2023	241.636.410.315	18.935.097,10	12.761	12
23	07/02/2023	240.087.684.151	18.807.135,64	12.766	5
24	08/02/2023	239.774.360.483	18.776.002,50	12.770	4
25	09/02/2023	239.312.730.049	18.745.733,61	12.766	(4)
26	10/02/2023	239.295.769.193	18.737.808,13	12.771	5
27	13/02/2023	239.556.849.023	18.737.956,33	12.785	14
28	14/02/2023	239.539.070.737	18.741.031,46	12.782	(3)
29	15/02/2023	239.959.049.283	18.756.333,94	12.793	11
30	16/02/2023	240.001.975.360	18.758.522,96	12.794	1
31	17/02/2023	239.937.302.947	18.746.895,82	12.799	5
32	20/02/2023	240.333.018.408	18.746.580,85	12.820	21
33	21/02/2023	240.235.154.182	18.742.532,17	12.818	(2)
34	22/02/2023	240.522.316.279	18.757.688,57	12.823	5
35	23/02/2023	240.482.675.815	18.747.232,49	12.828	5
36	24/02/2023	240.520.257.940	18.742.921,14	12.833	5
37	27/02/2023	240.448.451.372	18.713.363,24	12.849	16
38	28/02/2023	240.499.503.049	18.706.626,29	12.856	7
39	01/03/2023	240.376.179.673	18.692.877,81	12.859	3
40	02/03/2023	240.413.657.900	18.689.228,82	12.864	5
41	03/03/2023	240.506.934.327	18.689.919,00	12.868	4
42	06/03/2023	240.748.401.099	18.689.010,22	12.882	14
43	07/03/2023	239.591.599.299	18.603.930,41	12.879	(3)
44	08/03/2023	234.836.113.311	18.238.771,45	12.876	(3)
45	09/03/2023	225.899.207.156	17.541.082,88	12.878	2

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh,
 Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B06-QM

Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ
46	10/03/2023	225.994.147.528	17.542.199,68	12.883	5
47	13/03/2023	225.286.290.393	17.469.256,93	12.896	13
48	14/03/2023	225.438.525.293	17.474.833,88	12.901	5
49	15/03/2023	225.364.233.663	17.474.427,53	12.897	(4)
50	16/03/2023	225.219.710.969	17.448.330,67	12.908	11
51	17/03/2023	224.303.224.708	17.362.723,56	12.919	11
52	20/03/2023	224.540.299.083	17.362.671,66	12.932	13
53	21/03/2023	224.546.439.600	17.362.752,04	12.933	1
54	22/03/2023	224.693.881.238	17.357.820,96	12.945	12
55	23/03/2023	224.834.191.386	17.362.538,59	12.949	4
56	24/03/2023	224.989.077.225	17.352.431,71	12.966	17
57	27/03/2023	225.064.877.251	17.350.813,66	12.971	5
58	28/03/2023	225.128.156.599	17.349.592,33	12.976	5
59	29/03/2023	225.528.493.092	17.374.339,26	12.981	5
60	30/03/2023	225.605.060.665	17.374.135,29	12.985	4
61	31/03/2023	225.586.784.457	17.366.627,26	12.990	5
62	01/04/2023	225.688.348.837	17.362.922,29	12.998	8
63	03/04/2023	225.846.621.558	17.362.922,29	13.007	9
64	04/04/2023	225.912.279.649	17.361.886,10	13.012	5
65	05/04/2023	225.972.888.435	17.360.462,13	13.017	5
66	06/04/2023	226.185.422.441	17.359.303,36	13.030	13
67	07/04/2023	225.652.901.098	17.312.360,39	13.034	4
68	10/04/2023	225.464.560.709	17.279.693,40	13.048	14
69	11/04/2023	225.546.576.141	17.279.913,20	13.053	5
70	12/04/2023	225.709.685.856	17.281.082,46	13.061	8
71	13/04/2023	225.796.790.906	17.281.692,20	13.066	5
72	14/04/2023	225.777.927.742	17.274.191,50	13.070	4
73	17/04/2023	225.882.121.365	17.263.999,28	13.084	14
74	18/04/2023	225.612.000.989	17.264.597,08	13.068	(16)
75	19/04/2023	225.686.608.063	17.264.249,86	13.072	4
76	20/04/2023	225.762.586.405	17.264.007,91	13.077	5
77	21/04/2023	225.448.654.496	17.223.602,94	13.090	13
78	24/04/2023	225.585.951.246	17.215.952,91	13.103	13
79	25/04/2023	224.644.428.784	17.138.054,67	13.108	5
80	26/04/2023	224.686.850.405	17.135.208,16	13.113	5
81	27/04/2023	224.770.689.319	17.135.563,96	13.117	4
82	28/04/2023	224.861.884.166	17.125.823,99	13.130	13
83	01/05/2023	225.329.163.550	17.126.550,95	13.157	27
84	03/05/2023	225.489.241.676	17.126.550,95	13.166	9
85	04/05/2023	225.569.278.391	17.126.550,95	13.171	5
86	05/05/2023	225.643.320.204	17.126.095,87	13.175	4
87	08/05/2023	225.693.443.685	17.111.676,25	13.189	14
88	09/05/2023	225.839.197.882	17.116.659,58	13.194	5
89	10/05/2023	225.742.042.402	17.103.229,75	13.199	5

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

MẪU SỐ B06-QM

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh,
 Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ
90	11/05/2023	225.687.871.980	17.093.611,78	13.203	4
91	12/05/2023	225.238.941.227	17.063.557,17	13.200	(3)
92	15/05/2023	225.179.757.732	17.031.568,14	13.221	21
93	16/05/2023	225.350.129.867	17.031.743,63	13.231	10
94	17/05/2023	225.382.261.414	17.034.685,90	13.231	0
95	18/05/2023	225.532.559.415	17.034.417,99	13.240	9
96	19/05/2023	225.542.593.695	17.032.860,58	13.242	2
97	22/05/2023	226.011.006.584	17.040.944,60	13.263	21
98	23/05/2023	226.060.252.331	17.038.778,89	13.267	4
99	24/05/2023	226.243.339.963	17.044.916,79	13.273	6
100	25/05/2023	226.300.866.022	17.044.884,79	13.277	4
101	26/05/2023	226.375.037.978	17.044.558,09	13.281	4
102	29/05/2023	226.531.772.499	17.044.539,03	13.291	10
103	30/05/2023	226.622.227.162	17.045.572,73	13.295	4
104	31/05/2023	226.755.363.391	17.049.816,75	13.300	5
105	01/06/2023	226.842.767.316	17.050.649,00	13.304	4
106	02/06/2023	226.955.979.109	17.047.556,82	13.313	9
107	05/06/2023	227.292.969.888	17.048.387,18	13.332	19
108	06/06/2023	227.377.687.226	17.052.349,22	13.334	2
109	07/06/2023	227.509.582.194	17.045.240,68	13.347	13
110	08/06/2023	227.684.515.359	17.051.392,67	13.353	6
111	09/06/2023	227.764.775.126	17.052.026,20	13.357	4
112	12/06/2023	228.280.235.253	17.070.193,13	13.373	16
113	13/06/2023	228.266.833.783	17.065.483,50	13.376	3
114	14/06/2023	228.560.105.602	17.080.304,10	13.382	6
115	15/06/2023	228.615.975.727	17.078.250,82	13.386	4
116	16/06/2023	228.660.736.202	17.079.030,06	13.388	2
117	19/06/2023	229.079.578.306	17.093.208,02	13.402	14
118	20/06/2023	229.176.577.678	17.094.749,50	13.406	4
119	21/06/2023	229.203.088.294	17.097.169,78	13.406	0
120	22/06/2023	229.282.055.403	17.097.365,81	13.410	4
121	23/06/2023	229.349.075.096	17.100.746,24	13.412	2
122	26/06/2023	229.659.803.194	17.103.895,60	13.427	15
123	27/06/2023	229.779.902.086	17.106.503,97	13.432	5
124	28/06/2023	229.579.423.656	17.096.477,88	13.428	(4)
125	29/06/2023	229.791.282.184	17.105.143,29	13.434	6
126	30/06/2023	229.875.988.241	17.105.526,91	13.439	5
127	01/07/2023	229.940.804.450	17.106.198,58	13.442	3
128	03/07/2023	230.088.306.046	17.106.198,58	13.451	9
129	04/07/2023	230.173.044.841	17.107.222,86	13.455	
130	05/07/2023	219.815.857.885	16.331.951,23	13.459	4
131	06/07/2023	219.823.674.162	16.334.230,08	13.458	(1)
132	07/07/2023	219.747.086.086	16.323.033,58	13.462	4
133	10/07/2023	220.006.332.909	16.325.781,91	13.476	14
134	11/07/2023	220.062.961.928	16.324.490,48	13.481	5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ
135	12/07/2023	219.972.819.408	16.326.039,96	13.474	(7)
136	13/07/2023	220.067.322.957	16.327.189,53	13.479	5
137	14/07/2023	220.177.477.308	16.330.384,05	13.483	4
138	17/07/2023	220.430.977.646	16.331.607,76	13.497	14
139	18/07/2023	220.362.371.564	16.330.246,25	13.494	(3)
140	19/07/2023	220.588.212.188	16.335.265,00	13.504	10
141	20/07/2023	220.668.089.199	16.333.293,06	13.510	6
142	21/07/2023	220.883.219.815	16.345.373,63	13.514	4
143	24/07/2023	221.086.291.958	16.348.836,05	13.523	9
144	25/07/2023	220.691.253.171	16.316.074,43	13.526	3
145	26/07/2023	220.653.000.593	16.315.314,10	13.524	(2)
146	27/07/2023	220.702.072.789	16.313.677,19	13.529	5
147	28/07/2023	220.941.424.768	16.325.129,37	13.534	5
148	31/07/2023	221.005.432.013	16.325.682,24	13.537	3
149	01/08/2023	221.279.765.411	16.334.571,16	13.547	10
150	02/08/2023	211.221.112.244	15.587.259,60	13.551	4
151	03/08/2023	211.420.822.625	15.597.868,82	13.558	3
152	04/08/2023	211.299.499.379	15.585.402,26	13.558	4
153	07/08/2023	211.151.830.538	15.562.911,50	13.568	10
154	08/08/2023	211.089.547.377	15.563.949,70	13.563	(5)
155	09/08/2023	211.182.237.953	15.570.433,44	13.563	-
156	10/08/2023	211.391.680.682	15.574.385,77	13.573	10
157	11/08/2023	211.731.356.372	15.587.484,73	13.583	10
158	14/08/2023	212.144.574.142	15.607.804,60	13.592	9
159	15/08/2023	212.418.113.921	15.619.478,30	13.600	8
160	16/08/2023	212.516.615.565	15.620.531,41	13.605	5
161	17/08/2023	212.558.636.875	15.619.897,10	13.608	3
162	18/08/2023	212.658.720.463	15.622.482,35	13.612	4
163	21/08/2023	212.844.990.763	15.627.209,48	13.620	8
164	22/08/2023	212.889.420.853	15.629.711,40	13.621	1
165	23/08/2023	213.020.955.099	15.634.486,53	13.625	4
166	24/08/2023	213.234.412.439	15.646.000,81	13.629	4
167	25/08/2023	213.510.993.467	15.663.719,78	13.631	2
168	28/08/2023	213.769.665.719	15.665.973,60	13.645	14
169	29/08/2023	213.819.563.961	15.669.393,42	13.646	1
170	30/08/2023	214.217.023.752	15.686.764,08	13.656	10
171	31/08/2023	214.209.944.705	15.680.918,82	13.661	5
172	01/09/2023	214.275.290.193	15.681.774,71	13.664	3
173	05/09/2023	214.543.311.705	15.681.774,71	13.681	17
174	06/09/2023	214.632.559.431	15.684.648,29	13.684	3
175	07/09/2023	214.520.061.348	15.685.163,93	13.677	(7)
176	08/09/2023	214.735.373.484	15.696.426,97	13.681	4
177	11/09/2023	215.005.610.969	15.702.755,62	13.692	11
178	12/09/2023	214.723.082.204	15.680.756,37	13.693	1
179	13/09/2023	214.970.245.797	15.695.377,77	13.696	3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023					
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ
180	14/09/2023	215.086.561.890	15.699.803,53	13.700	4
181	15/09/2023	214.932.098.568	15.687.695,98	13.701	1
182	18/09/2023	215.114.555.014	15.688.335,38	13.712	11
183	19/09/2023	215.087.703.448	15.689.912,55	13.709	(3)
184	20/09/2023	215.294.714.262	15.700.295,11	13.713	4
185	21/09/2023	215.439.079.163	15.703.165,86	13.719	6
186	22/09/2023	215.416.155.155	15.704.409,25	13.717	(2)
187	25/09/2023	215.790.986.698	15.710.921,36	13.735	18
188	26/09/2023	215.822.041.118	15.709.308,36	13.738	3
189	27/09/2023	215.797.635.282	15.704.785,48	13.741	3
190	28/09/2023	215.832.154.309	15.703.475,92	13.744	3
191	29/09/2023	215.954.607.479	15.709.149,26	13.747	3
192	01/10/2023	216.179.332.144	15.724.013,26	13.748	1
193	02/10/2023	216.231.898.057	15.724.013,26	13.752	4
194	03/10/2023	216.388.435.809	15.726.939,85	13.759	7
195	04/10/2023	216.467.485.918	15.735.234,55	13.757	(2)
196	05/10/2023	216.817.615.171	15.750.700,62	13.766	9
197	06/10/2023	216.931.403.492	15.760.438,77	13.764	(2)
198	09/10/2023	217.142.958.476	15.763.253,91	13.775	11
199	10/10/2023	217.553.271.744	15.796.273,04	13.772	(3)
200	11/10/2023	217.796.354.885	15.800.647,78	13.784	12
201	12/10/2023	217.872.014.457	15.801.041,76	13.788	4
202	13/10/2023	218.229.716.312	15.820.067,59	13.794	6
203	16/10/2023	214.887.823.691	15.573.893,08	13.798	4
204	17/10/2023	214.990.810.226	15.577.827,05	13.801	3
205	18/10/2023	215.035.410.879	15.577.529,50	13.804	3
206	19/10/2023	215.161.336.438	15.583.123,95	13.807	3
207	20/10/2023	215.213.291.854	15.583.359,92	13.810	3
208	23/10/2023	215.470.076.359	15.591.377,46	13.820	10
209	24/10/2023	205.409.541.095	14.859.861,07	13.823	3
210	25/10/2023	205.694.297.007	14.876.915,44	13.826	3
211	26/10/2023	205.806.396.918	14.881.415,49	13.830	4
212	27/10/2023	205.865.156.430	14.882.120,82	13.833	3
213	30/10/2023	206.103.836.998	14.888.749,49	13.843	10
214	31/10/2023	206.830.616.401	14.937.713,28	13.846	3
215	01/11/2023	206.644.988.073	14.920.797,54	13.849	3
216	02/11/2023	206.910.524.244	14.936.012,91	13.853	4
217	03/11/2023	207.238.479.933	14.955.730,07	13.857	4
218	06/11/2023	207.451.129.694	14.959.131,36	13.868	11
219	07/11/2023	207.629.073.673	14.970.557,86	13.869	1
220	08/11/2023	208.012.986.362	14.994.688,83	13.872	3
221	09/11/2023	209.881.606.715	15.125.848,12	13.876	4
222	10/11/2023	210.580.379.117	15.172.166,42	13.879	3
223	13/11/2023	210.753.715.740	15.172.540,02	13.890	11
224	14/11/2023	211.015.579.160	15.189.566,85	13.892	2

HÀNG TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ
225	15/11/2023	211.084.512.181	15.190.707,46	13.896	4
226	16/11/2023	211.333.903.684	15.205.694,67	13.898	2
227	17/11/2023	211.435.372.478	15.209.460,84	13.902	4
228	20/11/2023	206.644.949.231	14.854.330,37	13.911	9
229	21/11/2023	206.082.858.907	14.810.481,72	13.915	4
230	22/11/2023	206.380.629.298	14.828.351,66	13.918	3
231	23/11/2023	206.578.175.283	14.839.017,44	13.921	3
232	24/11/2023	206.910.840.674	14.859.387,89	13.925	4
233	27/11/2023	207.149.769.523	14.865.931,83	13.935	10
234	28/11/2023	207.550.658.885	14.891.179,20	13.938	3
235	29/11/2023	207.819.083.953	14.906.917,68	13.941	3
236	30/11/2023	208.033.621.621	14.912.504,57	13.950	9
237	01/12/2023	208.288.986.461	14.927.318,25	13.954	4
238	04/12/2023	208.618.469.096	14.940.374,36	13.963	9
239	05/12/2023	208.597.465.683	14.935.380,07	13.967	4
240	06/12/2023	208.881.080.026	14.952.202,11	13.970	3
241	07/12/2023	209.139.931.719	14.966.792,69	13.974	4
242	08/12/2023	209.212.526.448	14.968.050,55	13.977	3
243	11/12/2023	210.000.668.573	15.011.269,16	13.990	13
244	12/12/2023	210.461.155.985	15.042.521,73	13.991	1
245	13/12/2023	211.077.420.386	15.084.922,07	13.993	2
246	14/12/2023	211.300.670.155	15.097.401,92	13.996	3
247	15/12/2023	211.767.546.666	15.126.680,23	14.000	4
248	18/12/2023	212.400.150.550	15.159.416,79	14.011	11
249	19/12/2023	212.557.545.948	15.169.541,33	14.012	1
250	20/12/2023	213.167.691.613	15.209.089,78	14.016	4
251	21/12/2023	213.142.225.461	15.203.278,18	14.019	3
252	22/12/2023	213.435.953.747	15.221.608,36	14.022	3
253	25/12/2023	213.533.609.785	15.217.960,18	14.032	10
254	26/12/2023	213.975.651.145	15.245.878,20	14.035	3
255	27/12/2023	215.016.951.391	15.316.540,26	14.038	3
256	28/12/2023	215.436.838.095	15.342.921,73	14.041	3
257	29/12/2023	215.639.188.466	15.353.805,09	14.045	4
258	01/01/2024	216.407.312.352	15.397.882,25	14.054	9

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm

223.278.037.243

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm

Mức thấp nhất trong năm

0

Mức cao nhất trong năm

27

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

MẪU SỐ B06-QM

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh,
 Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ
1	01/01/2022	1.263.993.299.904	100.947.366,84	12.521	2
2	04/01/2022	1.264.563.446.313	100.947.366,84	12.527	6
3	05/01/2022	1.284.889.260.265	102.556.297,19	12.529	2
4	06/01/2022	1.279.527.306.461	102.122.318,51	12.529	-
5	07/01/2022	1.279.958.469.461	102.133.659,30	12.532	3
6	10/01/2022	1.285.118.287.310	102.498.548,06	12.538	6
7	11/01/2022	1.265.639.766.567	100.970.255,67	12.535	(3)
8	12/01/2022	1.266.286.537.088	100.962.316,29	12.542	7
9	13/01/2022	1.248.105.055.057	99.500.433,90	12.544	2
10	14/01/2022	1.319.537.411.896	105.206.500,17	12.542	(2)
11	17/01/2022	1.360.863.245.122	108.448.523,36	12.548	6
12	18/01/2022	1.364.874.814.994	108.764.698,22	12.549	1
13	19/01/2022	1.384.324.605.283	110.298.649,34	12.551	2
14	20/01/2022	1.373.366.151.259	109.409.713,69	12.553	2
15	21/01/2022	1.370.272.587.608	109.145.227,07	12.555	2
16	24/01/2022	1.389.505.249.360	110.628.419,67	12.560	5
17	25/01/2022	1.462.813.467.914	116.457.827,69	12.561	1
18	26/01/2022	1.459.850.653.372	116.171.984,98	12.566	5
19	27/01/2022	1.463.546.810.000	116.427.707,92	12.570	4
20	28/01/2022	1.453.286.440.135	115.594.058,83	12.572	2
21	01/02/2022	1.477.581.409.440	117.454.080,14	12.580	8
22	02/02/2022	1.477.809.310.494	117.454.080,14	12.582	2
23	07/02/2022	1.478.948.572.111	117.454.080,14	12.592	10
24	08/02/2022	1.497.510.933.286	118.910.294,13	12.594	2
25	09/02/2022	1.513.953.673.584	120.197.889,25	12.596	2
26	10/02/2022	1.539.661.002.183	122.254.674,60	12.594	(2)
27	11/02/2022	1.563.267.156.900	124.110.518,86	12.596	2
28	14/02/2022	1.590.858.446.378	126.235.578,84	12.602	6
29	15/02/2022	1.609.674.873.020	127.682.663,92	12.607	5
30	16/02/2022	1.616.198.707.785	128.184.978,25	12.608	1
31	17/02/2022	1.615.835.590.780	128.137.018,50	12.610	2
32	18/02/2022	1.647.775.127.222	130.650.744,82	12.612	2
33	21/02/2022	1.674.110.448.880	132.678.819,74	12.618	6
34	22/02/2022	1.683.753.174.618	133.492.604,10	12.613	(5)
35	23/02/2022	1.705.804.933.275	135.150.438,34	12.622	9
36	24/02/2022	1.711.370.016.349	135.561.761,60	12.624	2
37	25/02/2022	1.708.825.646.602	135.351.676,61	12.625	1
38	28/02/2022	1.700.779.238.161	134.663.781,59	12.630	5
39	01/03/2022	1.701.877.497.346	134.699.268,35	12.635	5
40	02/03/2022	1.730.816.691.097	136.968.722,89	12.637	2
41	03/03/2022	1.734.079.330.387	137.205.857,80	12.639	2
42	04/03/2022	1.759.223.302.216	139.203.314,72	12.638	(1)
43	07/03/2022	1.778.302.352.177	140.689.516,84	12.640	2
44	08/03/2022	1.772.129.029.382	140.186.169,51	12.641	1

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B06-QM

Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ
45	09/03/2022	1.787.932.090.301	141.388.176,63	12.646	5
46	10/03/2022	1.805.546.003.939	142.743.523,79	12.649	3
47	11/03/2022	1.807.610.154.574	142.889.196,30	12.650	1
48	14/03/2022	1.815.010.974.747	143.383.311,01	12.658	8
49	15/03/2022	1.865.034.445.301	147.348.656,45	12.657	(1)
50	16/03/2022	1.861.229.257.845	147.049.618,08	12.657	-
51	17/03/2022	1.849.283.853.919	146.074.451,65	12.660	3
52	18/03/2022	1.838.208.654.855	145.151.183,82	12.664	4
53	21/03/2022	1.822.573.139.320	143.845.087,59	12.670	6
54	22/03/2022	1.829.499.025.713	144.345.309,08	12.674	4
55	23/03/2022	1.833.604.236.252	144.632.323,90	12.678	4
56	24/03/2022	1.823.939.986.026	143.846.215,94	12.680	2
57	25/03/2022	1.828.968.134.024	144.228.005,95	12.681	1
58	28/03/2022	1.831.526.353.594	144.357.698,32	12.687	6
59	29/03/2022	1.840.105.369.020	145.001.625,16	12.690	3
60	30/03/2022	1.855.539.265.260	146.210.724,61	12.691	1
61	31/03/2022	1.861.151.395.406	146.605.804,46	12.695	4
62	01/04/2022	1.860.716.339.413	146.575.595,27	12.695	-
63	04/04/2022	1.854.831.929.141	146.066.299,97	12.699	4
64	05/04/2022	1.856.619.359.310	146.183.532,89	12.701	2
65	06/04/2022	1.845.752.265.124	145.309.000,12	12.702	1
66	07/04/2022	1.853.847.041.541	145.917.986,09	12.705	3
67	08/04/2022	1.850.990.450.842	145.669.233,73	12.707	2
68	12/04/2022	1.870.760.400.034	147.153.327,81	12.713	6
69	13/04/2022	1.861.246.441.878	146.369.286,50	12.716	3
70	14/04/2022	1.850.333.781.362	145.486.976,05	12.718	2
71	15/04/2022	1.845.609.137.334	145.111.749,18	12.719	1
72	18/04/2022	1.834.660.265.323	144.178.639,19	12.725	6
73	19/04/2022	1.832.723.871.867	143.977.651,05	12.729	4
74	20/04/2022	1.826.748.000.946	143.441.011,71	12.735	6
75	21/04/2022	1.842.963.126.676	144.690.370,45	12.737	2
76	22/04/2022	1.801.595.221.456	141.422.763,99	12.739	2
77	25/04/2022	1.812.940.866.527	142.242.288,31	12.745	6
78	26/04/2022	1.820.805.067.228	142.871.204,95	12.744	(1)
79	27/04/2022	1.802.601.687.135	141.419.068,30	12.747	3
80	28/04/2022	1.819.975.079.129	142.712.733,98	12.753	6
81	29/04/2022	1.815.752.298.988	142.361.821,60	12.754	1
82	01/05/2022	1.845.444.852.446	144.649.004,36	12.758	4
83	04/05/2022	1.846.371.986.359	144.649.004,36	12.764	6
84	05/05/2022	1.867.653.726.427	146.253.155,74	12.770	6
85	06/05/2022	1.865.434.575.351	146.019.286,79	12.775	5
86	09/05/2022	1.860.423.592.558	145.554.582,32	12.782	7
87	10/05/2022	1.860.324.853.686	145.532.637,66	12.783	1

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh,
 Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B06-QM

Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ
88	11/05/2022	1.862.288.220.396	145.662.097,53	12.785	2
89	12/05/2022	1.869.410.288.151	146.219.966,91	12.785	-
90	13/05/2022	1.863.692.051.555	145.748.579,31	12.787	2
91	16/05/2022	1.870.715.656.352	146.225.604,26	12.793	6
92	17/05/2022	1.876.173.097.335	146.628.209,84	12.795	2
93	18/05/2022	1.849.026.396.443	144.492.535,36	12.797	4
94	19/05/2022	1.856.760.063.311	145.073.354,46	12.799	2
95	20/05/2022	1.874.508.819.875	146.436.622,74	12.801	2
96	23/05/2022	1.861.513.395.638	145.387.912,01	12.804	3
97	24/05/2022	1.817.758.263.703	141.948.237,72	12.806	2
98	25/05/2022	1.802.827.838.598	140.760.179,29	12.808	2
99	26/05/2022	1.804.234.523.693	140.832.181,22	12.811	3
100	27/05/2022	1.830.976.615.477	142.938.340,16	12.810	(1)
101	30/05/2022	1.842.137.018.157	143.745.833,84	12.815	5
102	31/05/2022	1.818.895.481.601	141.942.828,50	12.814	(1)
103	01/06/2022	1.815.167.987.188	141.627.663,10	12.816	2
104	02/06/2022	1.850.125.128.946	144.332.121,48	12.819	3
105	03/06/2022	1.848.704.193.843	144.198.118,15	12.821	2
106	06/06/2022	1.854.663.718.213	144.593.533,84	12.827	6
107	07/06/2022	1.840.972.561.106	143.502.666,31	12.829	2
108	08/06/2022	1.846.300.189.210	143.893.973,28	12.831	2
109	09/06/2022	1.828.761.563.727	142.519.454,03	12.832	1
110	10/06/2022	1.840.239.226.923	143.390.847,97	12.834	2
111	13/06/2022	1.844.661.327.286	143.663.979,73	12.840	6
112	14/06/2022	1.843.467.790.442	143.547.745,00	12.842	2
113	15/06/2022	1.840.770.010.433	143.314.385,77	12.844	2
114	16/06/2022	1.832.991.926.933	142.685.502,28	12.846	2
115	17/06/2022	1.808.620.740.642	140.764.969,92	12.849	3
116	20/06/2022	1.779.298.729.442	138.415.287,75	12.855	6
117	21/06/2022	1.831.055.749.983	142.418.561,09	12.857	2
118	22/06/2022	1.870.551.754.227	145.456.056,13	12.860	3
119	23/06/2022	1.856.979.751.884	144.377.040,11	12.862	2
120	24/06/2022	1.873.942.498.615	145.671.159,43	12.864	2
121	27/06/2022	1.861.440.026.188	144.627.442,87	12.871	7
122	28/06/2022	1.856.570.542.057	144.225.464,64	12.873	2
123	29/06/2022	1.845.167.388.320	143.315.968,57	12.875	2
124	30/06/2022	1.833.439.002.874	142.388.296,79	12.876	1
125	01/07/2022	1.840.241.794.060	142.919.649,92	12.876	-
126	04/07/2022	1.835.586.424.722	142.487.806,66	12.882	6
127	05/07/2022	1.858.938.140.231	144.277.201,00	12.884	2
128	06/07/2022	1.901.500.022.173	147.556.776,18	12.887	3
129	07/07/2022	1.887.847.809.901	146.473.463,57	12.889	2
130	10/07/2022	2.045.228.011.384	158.658.015,95	12.891	2
131	11/07/2022	2.052.969.788.312	159.180.949,36	12.897	6

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh,
 Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B06-QM

Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ
132	12/07/2022	2.067.598.337.332	160.288.904,89	12.899	2
133	13/07/2022	2.116.130.401.177	164.025.198,62	12.901	2
134	14/07/2022	2.103.551.993.819	163.023.999,55	12.903	2
135	17/07/2022	2.125.963.262.339	164.731.587,88	12.906	3
136	18/07/2022	2.137.201.144.412	165.521.474,39	12.912	6
137	19/07/2022	2.147.216.443.319	166.230.075,04	12.917	5
138	20/07/2022	2.219.612.165.142	171.771.926,00	12.922	5
139	21/07/2022	2.219.461.165.702	171.824.366,53	12.917	(5)
140	22/07/2022	2.248.281.542.870	174.035.675,28	12.919	2
141	25/07/2022	2.275.872.010.498	176.129.435,91	12.922	3
142	26/07/2022	2.287.057.095.360	176.991.053,89	12.922	-
143	27/07/2022	2.284.866.942.021	176.745.212,11	12.927	5
144	28/07/2022	2.269.083.703.228	175.457.495,11	12.932	5
145	29/07/2022	2.259.964.515.448	174.720.875,50	12.935	3
146	01/08/2022	2.307.786.827.124	178.328.540,61	12.941	6
147	02/08/2022	2.351.191.940.115	181.662.382,39	12.943	2
148	03/08/2022	2.384.991.230.787	184.281.324,26	12.942	(1)
149	04/08/2022	2.373.784.161.907	183.436.118,98	12.941	(1)
150	05/08/2022	2.381.597.585.396	183.987.452,85	12.944	3
151	08/08/2022	2.396.136.497.303	185.024.071,32	12.950	6
152	09/08/2022	2.407.554.297.442	185.893.642,43	12.951	1
153	10/08/2022	2.425.164.283.927	187.226.653,24	12.953	2
154	11/08/2022	2.389.282.790.439	184.393.674,37	12.958	5
155	12/08/2022	2.406.313.561.197	185.681.160,65	12.959	1
156	15/08/2022	2.411.815.744.000	186.004.577,05	12.966	7
157	16/08/2022	2.420.155.676.695	186.587.692,33	12.971	5
158	17/08/2022	2.437.741.695.240	187.879.652,14	12.975	4
159	18/08/2022	2.437.479.904.131	187.820.039,62	12.978	3
160	19/08/2022	2.464.976.095.597	189.871.312,84	12.982	4
161	22/08/2022	2.472.067.922.081	190.340.525,91	12.988	6
162	23/08/2022	2.484.716.063.426	191.323.305,55	12.987	(1)
163	24/08/2022	2.480.355.191.768	190.980.743,66	12.987	-
164	25/08/2022	2.496.765.494.708	192.193.137,20	12.991	4
165	26/08/2022	2.499.288.465.352	192.357.389,56	12.993	2
166	29/08/2022	2.502.384.803.779	192.479.929,85	13.001	8
167	30/08/2022	2.495.563.816.537	191.890.402,54	13.005	4
168	31/08/2022	2.494.727.819.906	191.779.511,39	13.008	3
169	01/09/2022	2.491.208.268.035	191.492.402,89	13.009	1
170	05/09/2022	2.492.878.873.164	191.492.402,89	13.018	9
171	06/09/2022	2.503.441.864.088	192.262.460,06	13.021	3
172	07/09/2022	2.498.897.699.556	191.881.419,62	13.023	2
173	08/09/2022	2.512.248.519.919	192.849.643,37	13.027	4
174	09/09/2022	2.515.826.563.408	193.096.949,82	13.029	2
175	12/09/2022	2.519.620.558.132	193.314.617,28	13.034	5

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B06-QM

Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ
176	13/09/2022	2.524.193.771.410	193.612.526,45	13.037	3
177	14/09/2022	2.521.505.942.138	193.372.150,38	13.040	3
178	15/09/2022	2.511.850.417.833	192.591.174,95	13.042	2
179	16/09/2022	2.522.504.592.654	193.391.005,63	13.044	2
180	19/09/2022	2.539.292.009.826	194.614.336,42	13.048	4
181	20/09/2022	2.606.639.493.197	199.764.633,78	13.049	1
182	21/09/2022	2.624.593.620.485	201.093.569,61	13.052	3
183	22/09/2022	2.611.210.133.734	200.000.064,19	13.056	4
184	23/09/2022	2.600.719.125.083	199.101.243,22	13.062	6
185	26/09/2022	2.585.448.964.978	197.884.079,63	13.065	3
186	27/09/2022	2.578.954.738.267	197.356.010,16	13.068	3
187	28/09/2022	2.547.124.342.223	194.880.967,44	13.070	2
188	29/09/2022	2.504.022.854.173	191.536.919,13	13.073	3
189	30/09/2022	2.496.562.577.609	190.941.989,63	13.075	2
190	01/10/2022	2.490.846.309.102	190.448.983,34	13.079	4
191	03/10/2022	2.491.707.203.294	190.448.983,34	13.083	4
192	04/10/2022	2.495.095.735.415	190.719.715,18	13.083	-
193	05/10/2022	2.444.044.643.460	186.830.430,02	13.082	(1)
194	06/10/2022	2.439.440.240.818	186.489.331,19	13.081	(1)
195	07/10/2022	2.432.929.187.251	185.993.850,62	13.081	-
196	10/10/2022	2.425.053.868.363	185.281.438,69	13.088	7
197	11/10/2022	2.420.846.399.778	184.917.664,62	13.091	3
198	12/10/2022	2.303.629.144.096	176.032.843,90	13.086	(5)
199	13/10/2022	2.257.092.102.121	172.316.594,85	13.099	13
200	14/10/2022	2.150.191.573.654	164.116.191,88	13.102	3
201	17/10/2022	2.123.194.285.139	161.973.380,10	13.108	6
202	18/10/2022	2.033.046.480.427	155.068.323,26	13.111	3
203	19/10/2022	1.936.498.429.690	147.686.641,28	13.112	1
204	20/10/2022	1.923.285.274.977	146.690.878,97	13.111	(1)
205	21/10/2022	1.869.316.724.788	142.551.809,13	13.113	2
206	24/10/2022	1.843.890.693.340	140.575.616,16	13.117	4
207	25/10/2022	1.747.591.607.572	133.212.828,98	13.119	2
208	26/10/2022	1.680.773.940.468	128.194.121,90	13.111	(8)
209	27/10/2022	1.634.535.492.601	124.717.336,50	13.106	(5)
210	28/10/2022	1.605.289.669.679	122.521.940,79	13.102	(4)
211	31/10/2022	1.557.474.493.374	118.812.689,07	13.109	7
212	01/11/2022	1.527.395.678.756	116.508.763,74	13.110	1
213	02/11/2022	1.450.371.399.805	110.647.990,83	13.108	(2)
214	03/11/2022	1.386.493.219.764	105.858.086,04	13.098	(10)
215	04/11/2022	1.333.674.918.017	101.899.489,74	13.088	(10)
216	07/11/2022	1.267.075.387.090	96.831.674,96	13.085	(3)
217	08/11/2022	1.217.168.135.849	93.119.444,97	13.071	(14)
218	09/11/2022	1.115.729.130.342	85.556.123,88	13.041	(30)
219	10/11/2022	1.021.174.012.591	78.279.679,11	13.045	4

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B06-QM

Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ
220	11/11/2022	976.856.315.803	75.092.201,75	13.009	(36)
221	14/11/2022	944.658.549.407	72.581.319,23	13.015	6
222	15/11/2022	916.767.895.349	70.423.920,30	13.018	3
223	16/11/2022	825.701.184.824	63.384.279,54	13.027	9
224	17/11/2022	785.665.165.538	60.290.343,24	13.031	4
225	18/11/2022	755.277.463.357	57.941.241,78	13.035	4
226	21/11/2022	734.490.646.157	56.413.904,54	13.020	(15)
227	22/11/2022	686.569.453.375	52.721.935,88	13.022	2
228	23/11/2022	682.057.742.674	52.361.979,60	13.026	4
229	24/11/2022	662.194.538.454	50.826.751,36	13.028	2
230	25/11/2022	641.623.941.292	49.246.616,73	13.029	1
231	28/11/2022	625.447.756.130	48.095.581,63	13.004	(25)
232	29/11/2022	616.157.592.987	47.328.708,39	13.019	15
233	30/11/2022	600.545.786.358	46.177.689,30	13.005	(14)
234	01/12/2022	536.439.792.914	41.236.548,30	13.009	4
235	02/12/2022	447.747.617.012	34.631.731,46	12.929	(80)
236	05/12/2022	440.369.144.662	34.168.230,57	12.888	(41)
237	06/12/2022	400.331.262.975	31.065.395,64	12.887	(1)
238	07/12/2022	380.446.926.837	29.514.724,49	12.890	3
239	08/12/2022	330.519.537.562	25.923.970,35	12.750	(140)
240	09/12/2022	315.599.800.748	24.747.858,96	12.753	3
241	12/12/2022	321.609.017.158	25.200.970,47	12.762	9
242	13/12/2022	299.703.734.733	23.478.215,64	12.765	3
243	14/12/2022	297.850.392.546	23.326.715,26	12.769	4
244	15/12/2022	283.554.287.379	22.152.400,13	12.800	31
245	16/12/2022	278.513.447.856	21.762.690,05	12.798	(2)
246	19/12/2022	298.758.131.660	23.325.672,31	12.808	10
247	20/12/2022	298.744.503.637	23.318.319,43	12.812	4
248	21/12/2022	298.740.242.274	23.311.708,40	12.815	3
249	22/12/2022	298.735.131.542	23.305.024,20	12.818	3
250	23/12/2022	318.719.031.195	24.857.844,79	12.822	4
251	26/12/2022	300.119.819.620	23.581.811,45	12.727	(95)
252	27/12/2022	280.964.107.404	22.191.727,04	12.661	(66)
253	28/12/2022	267.948.292.200	21.159.121,50	12.663	2
254	29/12/2022	262.828.362.128	20.783.991,13	12.646	(17)
255	30/12/2022	257.657.099.935	20.370.795,10	12.648	2
256	01/01/2023	261.084.787.418	20.623.128,24	12.660	12

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm

1.723.983.202.910

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm

Mức thấp nhất trong năm

0

Mức cao nhất trong năm

140

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh,
 Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B06-QM

Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	Ngày 31/12/2023	Ngày 31/12/2022
Số lượng chứng chỉ quỹ	15.397.882,25	20.623.128,24
Cộng	15.397.882,25	20.623.128,24

18. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	Công ty Quản lý Quỹ	Phí dịch vụ quản lý (*)	2.679.535.740	20.689.245.808
Ban Đại diện Quỹ		Thù lao Ban Đại diện Quỹ	168.000.000	166.600.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng Giám sát	Phí dịch vụ ngân hàng và phí lưu ký Phí dịch vụ giám sát Phí dịch vụ quản trị Quỹ Thu nhập lãi tiền gửi	184.670.760 66.000.000 198.000.000 73.754.323	1.105.745.940 379.424.059 576.553.840 116.840.790

Ghi chú:

(*) Phí dịch vụ quản lý là 1,20% giá trị tài sản ròng một năm và có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt.

Số dư trọng yếu với bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	31/12/2023	31/12/2022
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	Công ty Quản lý Quỹ	Phí dịch vụ quản lý phải trả Mệnh giá chứng chỉ quỹ đang nắm giữ	216.203.467 66.669.314.200	326.269.358 66.669.314.200
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán Tiền gửi có kỳ hạn Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn Phí dịch vụ lưu ký phải trả Phí dịch vụ giám sát phải trả Phí dịch vụ quản trị quỹ phải trả	888.651.049 4.000.000.000 9.117.808 (15.319.012) (5.500.000) (16.500.000)	239.643.801 20.000.000.000 6.575.342 (17.658.243) (6.102.823) (16.500.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết, các khoản phải thu, tiền mặt, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Đại diện Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Đại diện Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ chủ yếu cho mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ.

Độ nhạy đối với lãi suất

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong kỳ do Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết và trái phiếu niêm yết

Quỹ không có rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết do đến cuối kỳ Quỹ không nắm giữ cổ phiếu niêm yết.

Các trái phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá trái phiếu niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quỹ xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào trái phiếu niêm yết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng mà khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam và đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh toán, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B06-QM
Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các công cụ tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	Không kỳ hạn	Dưới 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2023					
Tiền gửi ngân hàng	1.344.202.207	16.000.000.000	-	-	17.344.202.207
Các khoản đầu tư (*)	-	-	-	183.432.876.524	183.432.876.524
Các khoản phải thu (*)	-	28.128.767	139.590.000	16.207.338.491	16.375.057.258
Chi phí phải trả	-	(491.301.158)	-	-	(491.301.158)
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	-	(253.522.479)	-	-	(253.522.479)
Chênh lệch thanh khoản ròng	1.344.202.207	15.283.305.130	139.590.000	199.640.215.015	216.407.312.352
Tại ngày 31/12/2022					
Tiền gửi ngân hàng	261.153.789	20.000.000.000	-	-	20.261.153.789
Các khoản đầu tư	-	-	204.853.701.169	31.862.199.248	236.715.900.417
Các khoản phải thu	-	6.575.342	3.913.662.426	640.535.856	4.560.773.624
Chi phí phải trả	-	(86.509.988)	-	-	(86.509.988)
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	-	(366.530.424)	-	-	(366.530.424)
Chênh lệch thanh khoản ròng	261.153.789	19.553.534.930	208.767.363.595	32.502.735.104	261.084.787.418

Ghi chú:

Tại báo cáo khớp lệnh một số ngày trong năm 2023 Quỹ chỉ thực hiện mua lại một phần chứng chỉ quỹ trên tổng giá trị yêu cầu mua lại từ khách hàng do tính thanh khoản của thị trường thấp.

(*) Các khoản đầu tư và phải thu liên quan đến mã trái phiếu NVL122001 và BAF122029:

- Theo Nghị quyết về việc lấy ý kiến người sở hữu trái phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc NOVA ngày 14/6/2023 thông qua việc điều chỉnh ngày đáo hạn gốc và thanh toán lãi của trái phiếu thành ngày 20/7/2025, tài sản đảm bảo được bổ sung với giá trị khoảng 860 tỷ VND.
- Trái phiếu của Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam có ngày đáo hạn là ngày 23/8/2025 và Quỹ đã nhận lãi trái phiếu thanh toán kỳ 03 ngày 23/02/2024.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và những chỉ tiêu liên quan chỉ áp dụng cho phần thuyết minh này. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ vẫn được ghi nhận theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Quỹ theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập:

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- (i) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- (ii) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- (iii) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- (i) Các tài sản tài chính mà Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ để kinh doanh, tại thời điểm ghi nhận ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- (ii) Các tài sản tài chính được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- (iii) Các tài sản tài chính mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (TIẾP THEO)

Tài sản tài chính (Tiếp theo)

- *Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:*

- (i) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- (ii) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- (iii) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Quỹ theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- *Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo thu nhập*

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phí phân bổ*

Bao gồm các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là các khoản nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (TIẾP THEO)

Bảng dưới đây trình bày giá gốc và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	17.344.202.207	17.372.330.974	20.261.153.789	20.267.729.131
Các khoản đầu tư	183.432.876.524	183.432.876.524	236.523.868.281	236.715.900.417
<i>Trái phiếu</i>	<i>183.432.876.524</i>	<i>183.432.876.524</i>	<i>236.523.868.281</i>	<i>236.715.900.417</i>
Các tài sản khác	16.346.928.491	16.346.928.491	4.554.198.282	4.554.198.282
<i>Cổ tức được nhận</i>	<i>139.590.000</i>	<i>139.590.000</i>	<i>139.590.000</i>	<i>139.590.000</i>
<i>Lãi trái phiếu</i>	<i>16.207.338.491</i>	<i>16.207.338.491</i>	<i>4.414.608.282</i>	<i>4.414.608.282</i>
Cộng	217.124.007.222	217.152.135.989	261.339.220.352	261.537.827.830
Chi phí phải trả	35.750.000	35.750.000	65.000.000	65.000.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	443.824.548	443.824.548	12.566.000	12.566.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	11.726.610	11.726.610	8.943.988	8.943.988
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	253.522.479	253.522.479	366.530.424	366.530.424
Cộng	744.823.637	744.823.637	453.040.412	453.040.412

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- 1- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả nhà cung cấp và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá gốc và lãi dự thu (nếu có) trừ đi dự phòng (nếu có) của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- 1- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi được xác định theo nguyên tắc và phương pháp định giá lại được trình bày tại Thuyết minh số 4.3 - Các khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động		
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	1,20%	1,20%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,11%	0,08%
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,16%	0,04%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,03%	0,00%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	0,08%	0,01%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (%)	1,59%	1,36%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/ Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	421,55%	112,28%
II	Các chỉ tiêu khác		
1	Quy mô quỹ đầu kỳ Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ (VND)	206.231.282.400	1.009.473.668.400
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	20.623.128,24	100.947.366,84
2	Thay đổi quy mô quỹ trong kỳ Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ	2.236.999,20	349.553.303,75
	Giá trị vốn thực huy động thêm trong kỳ (theo mệnh giá) (VND)	22.369.992.000	3.495.533.037.500
	Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ	(7.462.245,19)	(429.877.542,35)
	Giá trị vốn thực phải thanh toán trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND)	(74.622.451.900)	(4.298.775.423.500)
3	Quy mô quỹ cuối kỳ Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ (VND)	153.978.822.500	206.231.282.400
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	15.397.882,25	20.623.128,24
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan với công ty quản lý quỹ cuối kỳ (%)	82,36%	70,46%
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ (%)	87,85%	85,78%
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ (%)	0,01%	0,01%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
II	Các chỉ tiêu khác		
7	Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ, kể cả giao dịch ký danh	4.882	3.074
8	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cuối kỳ (VND)	14.054	12.660




Ông Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2024



Bà Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Bà Trương Thị Hà Anh
Người lập biểu